TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHỔ YÊN
TỈNH THÁI NGUYÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 46/2018/HSST
Ngày: 17/5/2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHỔ YÊN - THÁI NGUYÊN
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thu Hà

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hồng Hải
2. Bà Nguyễn Thị Thanh

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thoan - Thư ký Toà án nhân dân thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phổ Yên tham gia phiên toà: Ông Ngô Quốc Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 3 năm 2018, tại Hội trường UBND xã Đông Cao, thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên, tiến hành xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 41/2018/HSST ngày 20/4/2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 42/2018/QĐXX ngày 02/5/2018, đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Thị G -** Tên gọi khác: Không.

Sinh năm 1996

Nơi ĐKHKTT và chỗ ở: xóm 13, xã Minh Sơn, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An. Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; văn hoá: 12/12; nghề nghiệp: Công nhân; con ông Nguyễn Đức T (đã chết) và bà Nguyễn Thị H (sinh năm 1968), hiện trú tại: xóm 13, xã Minh Sơn, Đô Lương, Nghệ An. Bị cáo có 03 chị em, G là con thứ hai; chưa có chồng, con.

Tiền án, tiền sự: Không (theo danh bản, chỉ bản số 66 do Công an thị xã Phổ Yên lập ngày 10/3/2018).

Biện pháp ngăn chặn: Nguyễn Thị G được áp dụng biện pháp ngăn chặn *"Cấm đi khỏi nơi cư trú"*. Bắt theo Lệnh truy nã và bị tạm giữ từ ngày 27/3/2018 đến ngày 30/3/2018 chuyển tạm giam đến nay. Hiện đang tạm giam tại Trạm tạm giam Công an tỉnh Thái Nguyên.

(Có mặt tại phiên tòa)

Người bào chữa cho bị cáo G:

Bà Nguyễn Thị Dung – TGV pháp lý
Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Thái Nguyên (có đơn xin vắng mặt)

* ***Người bị hại:***

1. Chị Triệu Thu H, sinh năm 1992

ĐKNKTT: Xóm Hà Hiệu, huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn

(Tạm trú tại: Phòng 428, tòa nhà 117, KTX1 Samsung, phường Đồng Tiến, thị xã Phổ Yên, Thái Nguyên).

2. Chị Trần Thị Đ, sinh năm 1994

ĐKNKTT: Xóm Bản Sẳng, xã Bạch Đằng, huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng

(Tạm trú tại: Phòng 428, tòa nhà 117, KTX1 Samsung, phường Đồng Tiến, thị xã Phổ Yên, Thái Nguyên). (Chị H, chị Đ đều có đơn xin vắng mặt).

****Người làm chứng:***

Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1968 (vắng mặt)
Nơi ĐKHKTT: Xóm 13, xã Minh Sơn, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

1.Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Nguyễn Thị G là công nhân của công ty TNHH SamSung Electronics Việt Nam - Thái Nguyên (viết tắt là SEVT), có trụ sở tại khu công nghiệp Yên Bình, phường Đồng Tiến, thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên. Giang ở cùng phòng 428, Tòa nhà 117, ký túc xá 1 với chị Triệu Thu H (Sinh năm 1992; trú tại: Hà Hiệu, Ba Bể, Bắc Kạn) và chị Trần Thị Đ (Sinh năm 1994; trú tại; xóm Bản Sẳng, Bạch Đằng, Hòa An, Cao Bằng) và hai người khác, nhưng G thường chơi với chị Đ và chị H. Do hoàn cảnh gia đình khó khăn nên có ý định chiếm đoạt tiền trong thẻ ATM của chị Huệ và chị Điểm, G đoán mật khẩu thẻ ATM của chị H và chị Đ là ngày, tháng, năm sinh, nên ngày 15/01/2018, lợi dụng việc chị Đ và chị H sơ hở để tui sách treo tại giường ngủ G mở túi lấy chứng minh nhân dân của chị H và chị Đ để lấy thông tin về ngày, tháng, năm sinh. Sau khi lấy được chứng minh nhân dân, G ghi thông tin ngày sinh của chị H và chị Đ ra một tờ giấy nhớ màu vàng rồi để lại chứng minh nhân dân vào vị trí ban đầu. Đến ngày 19/01/2018, lợi dụng chị H và chị Đ sơ hở, G đã trộm cắp thẻ ATM của chị

H để ở tủ cá nhân và thẻ ATM của chị Điểm để ở ốp lưng phía sau điện thoại di động. Sau khi lấy được thẻ, G cất vào túi đi làm đến khoảng 06 giờ ngày 19/01/2018, khi tan ca nghỉ giữa giờ, G đi đến khu vực cây rút tiền tự động (ATM) của Ngân hàng Cổ phần Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank) ở gần nhà ăn 2 của Công ty SEVT, G cho thẻ của chị Đ vào và nhập mật khẩu là ngày, tháng, năm sinh của chị Đ thì mật khẩu đúng, mở được lệnh rút tiền. G đã thực hiện việc rút tiền 03 lần ở thẻ của chị Đ, lần thứ nhất G rút 2.000.000 đồng, lần thứ 2 rút 3.000.000 đồng và lần thứ 3 rút 3.000.000 đồng (tổng là 8.000.000 đồng), rồi đi làm. Đến khoảng 08 giờ cùng ngày, khi tan ca làm việc, G tiếp tục đến cây rút tiền lúc trước, cho thẻ của chị H vào nhập mật khẩu là ngày, tháng, năm sinh của chị H thì mật khẩu đúng. G thực hiện việc rút tiền 05 lần tại thẻ của chị H, với tổng số tiền là 8.500.000 đồng. Sau khi rút tiền xong, G mang tiền về tủ cá nhân cất giấu. Chiếc thẻ ATM của chị H, G để lại dưới gối của chị H, còn thẻ ATM của chị Đ, G để vào dưới đệm của chị H.

Đến ngày 22/01/2018, G mang tất cả số tiền trộm cắp được về nhà sau đó đưa cho mẹ đẻ G là bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1968 tại xóm 13, xã Minh Sơn, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An số tiền 16.000.000 đồng. Số tiền còn lại G đã chi tiêu cá nhân hết. Chị Đ và chị H nhận tin nhắn thông báo số dư tài khoản đã phát hiện bị mất tiền trong tài khoản nên có đơn trình báo Ban quản lý KTX, Công an thị xã Phổ Yên và Ngân hàng để truy tìm thủ phạm. Quá trình kiểm tra, xác minh nguồn tin về tội phạm xác định Nguyễn Thị G là người ở cùng phòng trọ với chị Đ và chị H thực hiện hành vi phạm tội, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Phổ Yên đã tiến hành triệu tập Nguyễn Thị G để làm việc.

Khi được CQĐT cho tại ngoại để chờ xử lý về hành vi phạm tội G không về gia đình mà bỏ trốn lên Thái Nguyên, CQĐT triệu tập nhiều lần, G không chấp hành nên CQĐT hủy bỏ biện pháp ngăn chặn, ra Quyết định truy nã toàn quốc số 03/CSĐT ngày 21/3/2018, đồng thời có thư kêu gọi đầu thú đối với Nguyễn Thị G. Ngày 27/3/2018, khi được gia đình vận động, G đã tự nguyện đến CQĐT Công an thị xã Phổ Yên đầu thú về hành vi phạm tội.

Tại Cơ quan điều tra, Nguyễn Thị G đã khai nhận: Sau khi thực hiện việc trộm cắp tiền trong tài khoản thẻ của chị H, chị Đ, G bỏ ra ngoài KTX thuê nhà trọ, đến ngày 30/01/2018 quay lại phòng trọ 428 lấy trộm 01 áo khoác (loại áo công nhân Samsung) của chị Đ và 01 chăn siêu nhẹ (loại chăn Sông Hồng) của chị H. Sau khi bị phát giác G đã tự nguyện giao nộp lại chăn và áo đã chiếm đoạt của chị Đ và chị H tại phòng 428 cho Cơ quan điều tra để trả lại cho chị Đ và chị H.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 05 ngày 09/02/2018 của Hội đồng định giá tài sản thị xã Phổ Yên, kết luận: "*01 chăn siêu nhẹ nhãn hiệu Sông Hồng, màu tím hồng có giá trị là 700.000 đồng; Đối với tài sản là chiếc áo công nhân SamSung do trên thị trường không có sản phẩm cùng loại nên không có sơ sở để định giá tài sản*."

Vật chứng của vụ án là 02 thẻ ATM của Ngân hàng BIDV và Vietcombank cùng 01 chăn siêu nhẹ nhãn hiệu Sông Hồng và 01 áo khoác công nhân Samsung Cơ quan điều tra đã trả lại cho chị Đ và chị H quản lý sử dụng.

Về trách nhiệm dân sự, quá trình điều tra G cùng gia đình đã tự nguyện nộp số tiền 16.500.000 đồng cho Cơ quan điều tra để trả lại cho chị Đ và chị H. Chị Đ và chị H đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu, đề nghị gì khác.

2. Cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát: Tại bản cáo trạng số: 46/KSĐT ngày 19/4/2018 của VKS nhân dân thị xã Phổ Yên truy tố Nguyễn Thị G về tội **"**Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 BLHS.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận:

Các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và lời khai của bị cáo Nguyễn Thị G tại phiên tòa thể hiện hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản". Do đó, Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo theo toàn bộ nội dung bản cáo trạng.

Nhân thân: Bị cáo chưa có tiền án, tiền sự , quá trình điều tra và tại phiên tòa thành khẩn khai báo, tự nguyện khắc phục hậu quả thiệt hại bồi thường toàn bộ số tiền chiếm đoạt 16.500.000đ cho người bị hại chị Đ, chị H.

Các tình tiết giảm nhẹ được hưởng: điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 BLHS năm 2015

Tình tiết tăng nặng: bị cáo chịu 01 tình tiết tăng nặng TNHS tại điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS là " phạm tội 02 lần trở lên"

Đề nghị HĐXX tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị G đã phạm tội Trộm cắp tài sản

**Hình phạt chính: Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm b, i, s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38 BLHS, xử phạt bị cáo từ 6 - 9 tháng tù.*

**Hình phạt bổ sung: Không áp dụng.*

**Về TNDS: Bị hại không yêu cầu bồi thường nên không xem xét.*

** Vật chứng: Đã trả lại bị hại thẻ ATM mang tên chị Triệu Thu H, Trần Thị Đ, nên không đặt ra xem xét.*

**Án phí và quyền kháng cáo: Bị cáo thuộc hộ cận nghèo vùng đặc biệt khó khăn của địa phương. Theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số*

326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bị cáo thuộc trường hợp được miễn toàn bộ án phí HSST nên miễn cho bị cáo.

Bị cáo, người bị hại được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa người bào chữa cho bị cáo Giang vắng mặt nhưng có gửi bản luận cứ bào chữa với nội dung:

Trên quan điểm bảo vệ Pháp chế XHCN, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị cáo Nguyễn Thị G. Trước hết hoàn toàn nhất trí với tội danh của bản cáo trạng, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ TNHS do VKS đề nghị đối với bị cáo Nguyễn Thị G là có căn cứ. Tuy nhiên, tại cơ quan điều tra bị cáo đã hoàn toàn thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội, phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên đề nghị HĐXX xem xét cho bị cáo hưởng một số tình tiết giảm nhẹ như sau: Phạm tội nhưng thiệt hại không lớn; Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; Người phạm tội thành khẩn khai báo ăn năn hối cải. Các tình tiết giảm nhẹ nêu trên được quy định tại các điểm h, i, s khoản 1 Điều 51 BLHS 2015.

Đề nghị HĐXX xem xét các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS cụ thể sau: Bị cáo có nơi cư trú rõ ràng ổn định; bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn có giấy chứng nhận ghi nhận là hộ cận nghèo thể hiện trong hồ sơ vụ án; Do bị cáo còn trẻ người non dạ sau khi bị khởi tố vụ án, khởi tố bị can bị cáo đã rất lo sợ nên bỏ trốn sau đó được gia đình động viên và kêu gọi Nguyễn Thị G đã ra đầu thú.

Tình tiết tăng nặng TNHS không có.

Đề nghị HĐXX xem xét và cân nhắc trước khi quyết định hình phạt, tuyên xử Nguyễn Thị Giang với mức hình phạt thấp nhất 06 đến 12 tháng và cho được hưởng án treo.

Về hình phạt bổ sung, án phí: Miễn hình phạt bổ sung và án phí đối với bị cáo vì bản thân bị cáo thuộc hộ cận nghèo, theo quy định tại điều 12 điểm đ, Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Đại diện VKS đối đáp lời bào chữa cho bị cáo của TGV pháp lý được chủ tọa công bố bản luận cứ bào chữa tại phiên tòa:

Thứ nhất: Về tình tiết giảm nhẹ Phạm tội nhưng thiệt hại không lớn người bào chữa đề nghị áp dụng đối với bị cáo là không có căn cứ chấp nhận, bởi số tiền bị cáo chiếm đoạt của người bị hại tuy không nhiều, nhưng là toàn bộ số tiền lương,

thu nhập trong một tháng của người bị hại, nếu không bị phát hiện thì số tiền đó rất lớn đối với họ.

Thứ hai: Về áp dụng khoản 2 Điều 51 BLHS là đầu thú, các tài liệu trong hồ sơ thể hiện bị cáo vi phạm cam kết cấm đi khỏi nơi cư trú, quá trình xét hỏi bị cáo xác định không bị ép cung mà cố tình trốn tránh nên không có cơ sở chấp nhận tình tiết giảm nhẹ này.

Thứ ba: Về hình phạt người bào chữa đề nghị cho bị cáo G hưởng án treo được cải tạo tại địa phương là không có cơ sở, bởi khi được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, bị cáo không chấp hành mà bỏ trốn, CQĐT phải ra Quyết định truy nã. Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 2 Nghị quyết 01/NQ – HĐTP Tòa án nhân dân tối cao ngày 06/11/2013 và Điều 65 BLHS hướng dẫn thì trường hợp của bị cáo đã bỏ trốn trong giai đoạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm nên không có căn cứ cho hưởng án treo

Về đề nghị miễn án phí của người bào chữa cho bị cáo: Bị cáo thuộc diện hộ nghèo căn cứ Nghị quyết 326 bị cáo thuộc trường hợp miễn án phí nên chấp nhận đề nghị của người bào chữa.

Ý kiến của của bị cáo: Nhất trí với luận tội của đại diện Viện kiểm sát, đề nghị Toà án cho hưởng lượng khoan hồng của pháp luật.

Nhất trí với lời bào chữa của trợ giúp viên pháp lý bào chữa cho bị cáo tại phiên tòa, bị cáo không bổ sung gì thêm.

Kết thúc phần tranh tụng bị cáo, đại diện VKS thị xã Phổ Yên không đưa ra quan điểm đối đáp tranh luận gì thêm.

Lời nói sau cùng của bị cáo trước khi HĐXX nghị án: Bị cáo đã thấy việc làm của mình là vi phạm pháp luật, bị cáo xin HĐXX cho hưởng mức án thấp nhất để có cơ hội sửa chữa lỗi lầm, làm công dân lương thiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]. Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra và Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phổ Yên từ khi khởi tố vụ án cho đến khi kết thúc việc truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan

tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp;

Tại phiên tòa, những người bị hại có đơn xin xét xử vắng mặt, người bào chữa cho bị cáo có đơn xin vắng mặt, vắng người làm chứng. Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác đều nhất trí để HĐXX giải quyết vắng mặt họ. Xét thấy việc vắng mặt những người tham gia tố tụng này không ảnh hưởng đến việc định tội danh đối với bị cáo. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 291, Điều 292, 293 Bộ luật Tố tụng Hình sự tiến hành xét xử vắng mặt họ theo quy định của pháp luật.

[2] Về hành vi bị truy tố, xét xử của bị cáo:

Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Thị G giữ nguyên lời khai tại cơ quan điều tra, không bổ sung gì thêm, bị cáo hoàn toàn nhất trí với hành vi phạm tội như quyết định truy tố của Viện kiểm sát. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại; biên bản khám xét; kết quả thực nghiệm điều tra; phù hợp với các tài liệu, chứng cứ của vụ án, nên HĐXX có đủ cơ sở xác định:

Khoảng 06 giờ đến 08 giờ sáng ngày 19/01/2018, Nguyễn Thị G sau khi nghỉ ăn cơm để tiếp tục làm tăng ca tại Công ty SEVT đã đến cây rút tiền tự động ở nhà ăn 2 Công ty SEVT dùng thẻ ATM của chị Trần Thị Đ nhập mã ngày, tháng, năm sinh để rút tiền tại thẻ ATM ở cây rút tiền ngân hàng BIDV, thực hiện giao dịch rút tiền làm 03 lần cụ thể: vào hồi 06 giờ 22 phút ngày19/01/2018 rút số tiền 2000.000đ; 06 giờ 23 phút ngày 19/01/2018 rút số tiền: 3000.000đ; 06 giờ 24 phút ngày 19/01/2018 rút số tiền: 3000.000đ. Tổng cộng là 8.000.000đ. Sau khi rút tiền, G để thẻ ATM trong người rồi tiếp tục đi làm, đến khi tan ca 08 giờ cùng ngày, G lại đến cây rút tiền tự động ở nhà ăn số 2 Công ty SEVT, dùng thẻ ATM của chị Triệu Thu H rút tiền tại cây rút tiền của ngân hàng Vietcombank, G nhập toàn bộ mật khẩu là ngày, tháng, năm sinh của chị H, thực hiện giao dịch thành công với số tiền 8.500.000đ làm các lần rút cụ thể: vào 08 giờ 42 phút ngày 19/01/2018 rút số tiền: 1000.000đ; 08 giờ 43 phút rút 500.000đ; 08 giờ 46 phút rút 3000.000đ; 08 giờ 47 phút rút 3000.000đ; 08 giờ 48 phút rút 1000.000đ. Sau khi thực hiện giao dịch rút tiền xong, G cầm tiền và thẻ ATM đem về cất giấu tiền ở tủ đồ cá nhân tại phòng ở KTX, giấu thẻ ATM của chị H trong gối của chị H, cất thẻ của chị Đ trong đệm ngủ của chị H. Trong quá trình sử dụng chị H, chị Đ đã phát hiện 02 thẻ ATM

của mình nên tự giác giao nộp cho CQĐT công an thị xã Phổ Yên để phục vụ công tác điều tra vụ án. Số tiền G rút được tại 02 thẻ ATM của chị H và chị Đ ngày 22/01/2018, G cầm về nhà tại xóm 3, xã Minh Sơn, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An đưa cho mẹ đẻ là bà Nguyễn Thị H số tiền 16.000.000 đồng (G nói là tiền tiết kiệm G để giành được khi đi làm). Số tiền còn lại G đã sử dụng để chi tiêu cá nhân hết.

Từ những nhận định nêu trên có đủ căn cứ để kết luận: Hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của người bị hại thông qua giao dịch rút tiền tự động tại thẻ ATM nêu trên với tổng số tiền 16.500.000đ, đối với người bị hại của Nguyễn Thị G đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản". Do đó, việc bị VKS nhân dân thị xã Phổ Yên truy cứu tố về tội "*Trộm cắp tài sản"* theo quy định tại khoản 1 Điều 173 BLHS là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3]. Bản cáo trạng số: 46/KSĐT ngày 19/4/2018 của VKS nhân dân thị xã Phổ Yên truy tố Nguyễn Thị G về tội danh và điều luật viện dẫn là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Cụ thể nội dung khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự như sau:

"*1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác có giá trị từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng..., thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc bị phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm."*

[4] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ TNHS bị cáo được hưởng:

Vụ án thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, biết rõ hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ và bị pháp luật nghiêm cấm nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện hành vi với lỗi cố ý với lý do hoàn cảnh gia đình khó khăn đã làm mất trật tự an toàn xã hội, bị cáo phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về hành vi phạm tội của mình. Hành vi phạm tội nêu trên còn được 3 ngành tố tụng thị xã Phổ Yên lựa chọn làm án trọng điểm, xét xử tại địa phương nhằm mục đích răn đe đồng thời phổ biến, tuyên truyền pháp luật trong nhân dân nâng cao ý thức, cảnh giác của người dân hơn nữa trong việc bảo vệ, quản lý tài sản của mình; tự giác chấp hành pháp luật.

Về các tình tiết giảm nhẹ TNHS: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, đã thực hiện bồi thường thiệt hại trả toàn bộ số tiền đã chiếm đoạt

của các bị hại; sau khi phạm tội bị cáo bỏ trốn khỏi địa phương nơi cư trú, xong được sự vận động của gia đình, bị cáo ý thức hành vi là vi phạm pháp luật nên ngày 27/3/2018 tự giác đến CQĐT Công an thị xã Phổ Yên đầu thú hành vi phạm tội. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. HĐXX sẽ cân nhắc mức hình phạt giảm nhẹ một phần đối với bị cáo trong khi lượng hình để thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật đối với người phạm tội biết ăn năn, hối cải.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Trong khoảng thời gian từ 06 giờ đến 08 giờ ngày 19/01/2018 bị cáo thực hiện hai lần rút tiền tự động tại tài khoản của chị Điểm và chị Huệ số tiền mỗi lần đủ định lượng để cấu thành một tội phạm độc lập, nên bị cáo G phải chịu tình tiết tăng nặng TNHS tại điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS.

[6] Về hình phạt: Khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo là người trưởng thành, nhận thức đầy đủ nên khi quyết định hình phạt cần căn cứ vào nhân thân, điều kiện phạm tội để đánh giá tính chất, mức độ vi phạm một cách toàn diện. Xét ý kiến của trợ giúp viên pháp lý bào chữa cho bị cáo đề nghị cho hưởng các tình tiết giảm nhẹ đề nghị tại các điểm h, i, s khoản 1 Điều 51 BLHS và quyết định hình phạt nhẹ hơn quy định của BLHS tại Điều 54 BLHS là hưởng mức án dưới mức thấp nhất của khung hình phạt liền kề và áp dụng Điều 65 BLHS cho bị cáo hưởng án treo để cải tạo tại địa phương.

HĐXX thấy: Lời đề nghị của người bào chữa có căn cứ, chấp nhận một phần đề nghị về các căn cứ giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại Điều 51 BLHS: đó là: điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 BLHS, không chấp nhận tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo được hưởng tại điểm h khoản 1 Điều 51 BLHS, bởi tài sản bị cáo chiếm đoạt của người bị hại là toàn bộ thu nhập lương trong một tháng, là tài sản lớn của người bị hại và sau khi phạm tội bị cáo được áp dụng biện pháp nhăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, nhưng lại bỏ trốn khỏi địa phương, CQĐT phải ra Quyết định truy nã, gây khó khăn và kéo dài thời hạn điều tra của vụ án.

Về tình tiết tăng nặng TNHS: không chấp nhận đề nghị của người chữa về việc bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng TNHS, bởi bị cáo thực hiện liên tục hai lần chiếm đoạt tiền trong tài khoản của người bị hại, mỗi lần thực hiện đều đủ yếu tố cấu

thành của một tội phạm độc lập, nên phải chịu tình tiết tăng nặng TNHS là phạm tội từ hai lần trở lên theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS.

Căn cứ về điều kiện dược hưởng án treo và các điều kiện không được hưởng án treo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 2 Nghị quyết 01/NQ – HĐTP Tòa án nhân dân tối cao ngày 06/11/2013 và Điều 65 BLHS năm 2015, thì trường hợp của bị cáo đã bỏ trốn trong giai đoạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm thì không được hưởng án treo. Do đó, không có căn cứ chấp nhận lời đề nghị của trợ giúp viên pháp lý trình bầy trong luận cứ bào chữa, mà cần thiết phải xử phạt bị cáo hình phạt tù có thời hạn một thời gian nhất định để làm gương răn đe chung.

[7] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo là lao động chính trong gia đình thuộc hộ cận nghèo nhiều năm ở địa phương. Do đó, Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Tài sản chiếm đoạt bị cáo đã tự nguyện khắc phục hậu quả, trả lại toàn bộ cho người bị hại trong đó trả cho chị Đ 8000.000đ; trả cho chị H 8.500.000đ. Người bị hại không yêu cầu gì khác nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[9] Lời đề nghị mức hình phạt của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phổ Yên tại phiên tòa có căn cứ, đúng luật, phù hợp tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo. Tuy nhiên, xét thấy bị cáo là nữ giới, chỉ vì hoàn cảnh gia đình khó khăn, thiếu suy nghĩ mới dẫn bị cáo tới con đường phạm tội, tại phiên tòa thực sự ăn năn hối cải, xét giảm một phần hình phạt cho bị cáo để bị cáo sớm hoàn lương, hòa nhập cộng đồng và cũng thể hiện sự chính sách khoan hồng nhân đạo của pháp luật.

[10] Các vấn đề khác:

10.1.Trong vụ án này, bà Nguyễn Thị H (là mẹ đẻ của G) trực tiếp nhận số tiền 16.000.000 đồng là tiền mà G trộm cắp của chị Đ và chị H nhưng bà H không biết số tiền này do G trộm cắp mà có nên Cơ quan điều tra không xử lý. Việc không xử lý là có căn cứ nên HĐXX không đề cập.

10.2. Quá trình điều tra Nguyễn Thị G còn khai nhận ngày 30/01/2018 G đột nhập vào phòng 428, tòa nhà 117, KTX 1 Công ty SEVT trộm cắp tài sản là 01 áo khoác (loại áo công nhân SamSung) của chị Điểm và 01 chăn siêu nhẹ (loại chăn Sông Hồng) của chị H. Số tài sản này G đã tự nguyện giao nộp lại cho Cơ quan điều tra để trả lại cho chị Đ và chị H. Tại bản kết luận định giá tài sản 05 ngày 09/02/2018 của Hội đồng định giá tài sản thị xã Phổ Yên, kết luận: "*01 chăn*

siêu nhẹ nhãn hiệu Sông Hồng, màu tím hồng có giá trị là 700.000 đồng; Đối với tài sản là chiếc áo công nhân SamSung do trên thị trường không có sản phẩm cùng loại nên không có sơ sở để định giá tài sản." Do giá trị tài sản chiếm đoạt dưới 2000.000đ, chưa đủ yếu tố cấu thành của một tội phạm độc lập, nhưng phải được xử lý hành chính. Do đó, kiến nghị CQĐT Công an thị xã Phổ Yên ra Quyết định xử lý hành chính về hành vi phạm tội ngày 30/01/2018 đối với Nguyễn Thị Giang theo quy định tại Nghị định 167/2013 của Chính phủ.

[11] Về án phí và quyền kháng cáo: Bị cáo Giang thuộc hộ cận nghèo vùng đặc biệt khó khăn của địa phương. Theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bị cáo thuộc trường hợp được miễn toàn bộ án phí HSST.

Bị cáo, người bị hại có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1.Về tội danh: Tuyên bố bị cáo **Nguyễn Thị G** phạm tội "*Trộm cắp tài sản*".

2.Về hình phạt:

* *Hình phạt chính:* Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm b, i, s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo **Nguyễn Thị G 06** (sáu) tháng tù
Thời hạn phạt tù tính từ từ ngày bị bắt 27/3/2018.

Căn cứ Điều 329 BLTTHS Quyết định tạm giam bị cáo Nguyễn Thị G 45 ngày kể từ ngày tuyên án để đảm bảo thi hành án.

**Hình phạt bổ sung:* Miễn hình phạt tiền cho bị cáo.

3. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản, không yêu cầu tiếp nên HĐXX không xem xét.

4. Án phí: Áp dụng Khoản 2 Điều 136 BLTTHS năm 2015**,** điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Miễn toàn bộ án phí HSST cho bị cáo Nguyễn Thị G.

5. Quyền kháng cáo*:* Áp dụng Điều 331, 332 và Điều 333 BLTTHS:

Án xử công khai sơ thẩm có mặt bị cáo. Báo cho biết bị cáo có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại (chị Đ, chị H) vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- Công an thị xã Phổ Yên;
- VKS nhân dân thị xã Phổ Yên;
- Thi hành án thị xã Phổ Yên;
- Bị cáo; Trại tạm giam Công an thị xã PY;
- Những người tham gia tố tụng khác;
-Cổng thông tin điện tử Tòa án;
- Lưu: HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thu Hà

(Giải thích chế định án treo tại Điều 60 BLHS cho bị cáo, đại diện bị cáo)

Theo quy định của khoản 5 Điều 60 BLHS năm 1999 và Nghị Quyết 01/2013 củ HĐTP Tòa án nhân dân tối cáo hướng dân, thì người được hưởng án treo phải tuân thủ thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm, trong thời gian thử thách nếu phạm tội mới, thì Toà án quyết định buộc họ phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo Điều 51 BLHS,